

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3- AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2026/DS-ST

Ngày 24/7/2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Ánh Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Thúy Hằng**

2. Ông **Trần Đăng Khoa**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2026/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2026/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2026/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2026 và Thông báo mở lại phiên tòa số 42/TB-TA ngày 03 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần K**

Địa chỉ: phường R, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Ngọc M** - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Vũ N** - Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ, theo Văn bản ủy quyền số 2376/QĐ-NHKL ngày 28/8/2025.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà **Đỗ Thị H**, sinh năm 1997 - Chuyên viên xử lý nợ.

Bà **Đỗ Thị H** có mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn: Bà **Danh Thị B**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp S, xã B, tỉnh An Giang.

Bà **Danh Thị B** vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Ngày 07/10/2024, bà Danh Thị B ký Hợp đồng tín dụng số 1020/24/HĐTD với Ngân hàng Thương mại cổ phần K để vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn kinh doanh tạp hóa. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; ngày giải ngân là 11/10/2024. Lãi suất cho vay là 5,9%/năm, được cố định trong 03 tháng đầu, sau đó điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hai bên thỏa thuận tiền lãi thanh toán định kỳ hằng tháng, nợ gốc thanh toán vào cuối kỳ.

Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cùng ngày 07/10/2024, bà Danh Thị B và Ngân hàng ký Hợp đồng thế chấp số 1020/24/HĐTC-BĐS, thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DP017505 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cấp ngày 30/5/2024, diện tích 220,5 m², thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại ấp S, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp S, xã B, tỉnh An Giang), đứng tên bà Danh Thị B. Hợp đồng thế chấp được công chứng ngày 09/10/2024 và đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 11/10/2024 theo quy định của pháp luật.

Tiếp đó, ngày 10/12/2024, bà Danh Thị B ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế JCB số 844/24/TC/1000-14216 với Ngân hàng, được cấp hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng để phục vụ nhu cầu tiêu dùng, thời hạn sử dụng 36 tháng; ngày phát sinh giao dịch đầu tiên là 30/12/2024. Theo hợp đồng, lãi suất trong hạn là 22%/năm, phí phạt chậm trả bằng 3,5% số tiền chậm trả, phí vượt hạn mức là 0,075%/ngày và các khoản phí khác theo quy định của Ngân hàng.

Sau khi được giải ngân khoản vay và cấp hạn mức thẻ tín dụng, bà Danh Thị B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi và các khoản phí theo thỏa thuận trong các hợp đồng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng bà B vẫn không khắc phục, dẫn đến các khoản vay bị chuyển nợ quá hạn.

Do bà Danh Thị B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà B thanh toán toàn bộ khoản nợ phát sinh từ hai hợp đồng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Danh Thị B phải trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền 164.738.958 đồng (Một trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, chín trăm năm mươi tám đồng), cụ thể:

Theo Hợp đồng tín dụng số 1020/24/HĐTD ngày 07/10/2024 tính đến ngày 24/07/2026 là: 119.095.610 đồng (Một trăm mười chín triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, sáu trăm mười đồng) Trong đó, vốn gốc: 100.000.000 đồng; lãi 19.095.610 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/07/2026 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế JCB số 844/24/TC/1000-14216 ngày 10/12/2024 tính đến ngày 24/07/2026 là: 45.643.348 đồng (Bốn mươi

lăm triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng), trong đó: Tổng nợ gốc còn lại 26.134.310 đồng; tổng lãi phát sinh còn lại 10.980.243 đồng; tổng phí còn lại: 8.528.795 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/07/2026 theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Trường hợp bà Danh Thị B không trả hoặc trả không đầy đủ nợ cho Ngân hàng trong thời gian thỏa thuận hoặc khi Bản án có hiệu lực thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền, phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp nêu trên để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP K.

- *Đối với bị đơn bà Danh Thị B:* Đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng bà Danh Thị B vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - An Giang phát biểu quan điểm:*

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K; buộc bà Danh Thị B, thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 24/7/2026 là 164.738.958 đồng (Một trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, chín trăm năm mươi tám đồng), đồng thời tiếp tục chịu lãi trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong; trường hợp không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định; về án phí buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu bà Danh Thị B thanh toán các khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 1020/24/HĐTD ngày 07/10/2024 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế JCB số 844/24/TC/1000-14216 ngày 10/12/2024, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Bị đơn cư trú tại xã B, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - An Giang theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện việc triệu tập hợp lệ bà Danh Thị B để tham gia tố tụng,

tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt, không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án.

2.1. Đối với khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1020/24/HĐTD ngày 07/10/2024: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện vào ngày 07/10/2024, Ngân hàng TMCP K và bà Danh Thị B đã giao kết Hợp đồng tín dụng số 1020/24/HĐTD với số tiền vay 100.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn kinh doanh tạp hóa.

Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện; nội dung và hình thức của hợp đồng không trái quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm. Vì vậy, hợp đồng có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo đúng nội dung đã cam kết.

Từ các chứng từ giải ngân do Ngân hàng cung cấp, có đủ căn cứ xác định Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao tiền vay theo thỏa thuận. Khi Ngân hàng đã hoàn thành nghĩa vụ của mình thì bà Danh Thị B có trách nhiệm sử dụng khoản vay và hoàn trả nợ gốc, tiền lãi đúng thời hạn theo nội dung hợp đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, bà Danh Thị B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, làm phát sinh nợ quá hạn. Việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ là căn cứ để Ngân hàng yêu cầu thu hồi toàn bộ khoản nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 24/7/2026, Ngân hàng yêu cầu bà Danh Thị B thanh toán số tiền 119.095.610 đồng, gồm nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 19.095.610 đồng; đồng thời yêu cầu tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/7/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền Ngân hàng yêu cầu được xác định trên cơ sở hợp đồng tín dụng, bảng tính lãi và các chứng từ có trong hồ sơ vụ án. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Danh Thị B không tham gia tố tụng, không có ý kiến phản đối, không cung cấp tài liệu chứng minh đã thanh toán khoản vay. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ cần được chấp nhận.

2.2. Đối với khoản nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế JCB số 844/24/TC/1000-14216 ngày 10/12/2024: Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế JCB, hồ sơ vụ án thể hiện Ngân hàng đã cấp cho bà Danh Thị B hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng theo đúng thỏa thuận giữa các bên. Sau khi được cấp thẻ, bà B đã sử dụng hạn mức tín dụng để thực hiện các giao dịch thanh toán và rút tiền, từ đó phát sinh nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng theo thỏa thuận đã được quy định trong hợp đồng.

Các tài liệu gồm bảng sao kê giao dịch, lịch sử sử dụng thẻ, bảng đối chiếu dư nợ và bảng tính lãi, phí do Ngân hàng cung cấp có sự thống nhất với nhau về

thời điểm phát sinh giao dịch, số tiền đã sử dụng và dư nợ còn phải thanh toán. Trên cơ sở các tài liệu này, có đủ căn cứ xác định đến ngày 24/7/2026 bà Danh Thị B còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 45.643.348 đồng (Bốn mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng), trong đó: Tổng nợ gốc còn lại 26.134.310 đồng, tổng lãi phát sinh còn lại 10.980.243 đồng, tổng phí còn lại: 8.528.795 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Danh Thị B không cung cấp chứng cứ chứng minh và không có ý kiến phản đối với yêu cầu của Ngân hàng. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[3] Về xử lý tài sản bảo đảm.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1020/24/HĐTD ngày 07/10/2024, bà Danh Thị B đã ký Hợp đồng thế chấp số 1020/24/HĐTC-BDS ngày 07/10/2024, thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DP017505.

Hồ sơ vụ án thể hiện hợp đồng thế chấp được lập bằng văn bản, đã được công chứng và đăng ký biện pháp bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền xử lý tài sản bảo đảm của bên nhận thế chấp khi bên có nghĩa vụ vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Trong vụ án này, bà Danh Thị B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bà vẫn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 1020/24/HĐTC-BDS ngày 07/10/2024 để thu hồi khoản nợ còn phải thi hành theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K; buộc bà Danh Thị B thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền tính đến ngày 24/7/2026 là 164.738.958 đồng, trong đó khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1020/24/HĐTD là 119.095.610 đồng, khoản nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế JCB số 844/24/TC/1000-14216 là 45.643.348 đồng; đồng thời bà Danh Thị B còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 25/7/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong từng hợp đồng.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - An Giang về việc giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với diễn biến tại phiên tòa cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K được chấp nhận nên bà Danh Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với bà Danh Thị B về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc bà Danh Thị B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền là 164.738.958 đồng, gồm: Nợ theo Hợp đồng tín dụng là 119.095.610 đồng; Nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế JCB là 45.643.348 đồng và tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 25/7/2026 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1020/24/HĐTD ngày 07/10/2024 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế JCB số 844/24/TC/1000-14216 ngày 10/12/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Nếu bà Danh Thị B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1020/24/HĐTC-BDS ngày 07 tháng 10 năm 2024 để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bà Danh Thị B đã thanh toán đầy đủ toàn bộ khoản nợ phải thi hành án, bao gồm nợ gốc, tiền lãi, tiền chậm thi hành án (nếu có) và các chi phí thi hành án theo quy định của pháp luật thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K có nghĩa vụ trả lại cho bà Danh Thị B toàn bộ tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1020/24/HĐTC-BDS ngày 07 tháng 10 năm 2024

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Danh Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.236.948 đồng (Tám triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm bốn mươi tám đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.640.000 đồng (Ba triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 384 ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 3- AG;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Ánh Tuyết